TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 390/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 27 - 9 – 2023
V/v: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Trần Thị Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Chánh

Bà Thiều Thị Phi Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhàn – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Mai Văn Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai mở phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 861/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2023, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 329/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 421/2023/QĐST- HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Chị **Nguyễn Thị Phương T**, sinh năm 1991

Địa chỉ: Số I, tổ A, khu phố B, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- **Bị đơn**: Anh **Vũ Duy T1**, sinh năm 1983

Địa chỉ: H, tổ I, khu phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Chị T có mặt, anh T1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương T trình bày:

Chị và anh Vũ Duy T1 quen biết và tìm hiểu lập gia đình với nhau vào năm 2013 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Trong quá trình chung sống, vợ chồng sống với nhau thường xuyên xảy ra sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và lối sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh T1 có lúc còn đánh chị T. Ngoài ra, anh T1 còn dính vào tệ nạn xã hội là cờ bạc. Chị xác định tình cảm của chị dành cho anh T1 không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị làm đơn xin được ly hôn với anh T1.

Về con chung: Có 03 chung là Vũ Yến N, sinh ngày 10/10/2013, Vũ Tú A, sinh ngày 15/01/2019 và Vũ Duy Anh T2, sinh ngày 16/11/2021. Trường hợp Tòa

án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T1 chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi 03 con chung, tạm thời không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn anh Vũ Duy T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn sơ thẩm: Đảm bảo theo đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết tranh chấp: Cuộc sống vợ chồng giữa chị T và anh T1 phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị T; giao 03 chung là Vũ Yến N, sinh ngày 10/10/2013, Vũ Tú A, sinh ngày 15/01/2019 và Vũ Duy Anh T2, sinh ngày 16/11/2021 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng, tạm thời anh T1 không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung chị T trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án**: Chị Nguyễn Thị Phương T khởi kiện về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" đối với anh Vũ Duy T1 hiện đang trú tại: H, tổ I, khu phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

[2] **Về thủ tục tố tụng**: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho anh T1 đầy đủ, tuy nhiên anh T1 vắng mặt không có lý do chính đáng, nên Tòa án xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tổ tụng dân sự.

[3] **Về quan hệ hôn nhân**: Chị T, anh T1 tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn với nhau vào 2013 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào Điều 9 và Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Theo xác minh tại địa phương, xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T, anh T1 có xảy ra hay không thì địa phương không nắm được vì chị T, anh T1 không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Toà án đã nhiều lần triệu tập anh T1 đến Toà để làm việc, dự phiên họp về tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để hai anh chị có điều kiện gặp gỡ thỏa thuận, đoàn tụ nhưng anh T1 không đến. Điều này chứng tỏ chị T, anh T1 không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, chị T và anh T1 hiện nay đã sống ly thân. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị T, anh T1 là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì đây là căn cứ để Tòa án cho ly hôn. Vì vậy, cần chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh T1.

[4] **Về con chung**: Chị T, anh T1 có 03 con chung là Vũ Yến N, sinh ngày 10/10/2013, Vũ Tú A, sinh ngày 15/01/2019 và Vũ Duy Anh T2, sinh ngày 16/11/2021. Chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, tạm thời chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con. Anh T1 không đến Tòa án làm việc cũng không có bản tường trình về yêu cầu giải quyết con chung. Do đó, giao 03 con chung cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Tạm thời anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] **Về tài sản chung, nợ chung**: Theo chị T trình bày tài sản chung, nợ chung không có. Tuy nhiên, do anh T1 vắng mặt tại phiên tòa, không có lời khai nên không có cơ sở để xem xét giải quyết. Do vậy, cần tách ra để giải quyết bằng vụ án khác khi các bên đương sự có yêu cầu.

[6] **Về án phí**: Chị Nguyễn Thị Phương T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Áp dụng các Điều 9, Điều 11 của Luật hôn nhân gia đình năm 2000; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 84 và Điều 131 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương T. Chị Nguyễn Thị Phương T được ly hôn với anh Vũ Duy T1.

2. Về con chung: Giao cháu Vũ Yến N, sinh ngày 10/10/2013, Vũ Tú A, sinh ngày 15/01/2019 và Vũ Duy Anh T2, sinh ngày 16/11/2021 cho chị Nguyễn Thị Phương T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Tạm thời anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Không ai được ngăn cản quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung của anh Vũ Duy T1.

Khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chưa thành niên.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Phương T phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0007152 ngày 05/4/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa. Chị T đã nộp xong án phí.

5. Chị Nguyễn Thị Phương T và anh Vũ Duy T1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND thành phố Biên Hòa;
- Thi hành án DS thành phố Biên Hòa;
- UBND phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (số ĐKKH 213.2013 ngày 06/6/2013);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hải